

Bản án số: 94/2021/DSST.
Ngày 12 tháng 3 năm 2021.
“*V/v Tranh chấp hợp
đồng dịch vụ*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng V.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc C.

2. Ông Huỳnh Văn B.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh T, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 390/2020/TLST-DS ngày 08/10/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Đức H, sinh năm: 1956; (có mặt)

Địa chỉ: số 60 đường Lê Thị S, tổ 7, ấp Bến Đò 2, xã Tân Phú T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị R, sinh năm: 1959. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 161A đường Lê Minh N, ấp T, xã Tân Thông H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm: 1967. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 60 đường Lê Thị S, tổ 7, ấp Bến Đò 2, xã Tân Phú T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Đức H trình bày:

Ngày 01/11/2019, giữa ông và bà Lâm Thị R có làm giấy hợp đồng chuyển thổ cư đối với thửa đất số 185, tờ bản đồ số 51, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Lê Văn Minh và bà Phạm Thị Thu Thủy đứng tên do Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi cấp ngày 10/8/2019. Phí hợp đồng là 100.000.000 đồng. Cùng ngày bà Rung nhận số tiền là 20.000.000 đồng, khi nào

giao sổ và quyết định thì ông thanh toán hết số tiền còn lại cho bà R. Thời hạn hợp đồng là 70 ngày.

Ngày 02/11/2019, giữa ông và bà R có làm hợp đồng cập nhật đường sang tên quyền sử dụng đất thửa số 85, tờ bản đồ số 15, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 12/10/2006. Chi phí hợp đồng dịch vụ là 22.000.000 đồng. Cùng ngày 02/11/2019, bà Rung ứng số tiền là 15.000.000 đồng.

Ngày 10/12/2019, bà R nhận thêm của ông số tiền 8.000.000 đồng theo hợp đồng cập nhật đường sang tên quyền sử dụng đất thửa số 85, tờ bản đồ số 15.

Ngày 04/11/2019, bà Rung ứng của ông số tiền là 5.000.000 đồng theo hợp đồng cập nhật đường quyền sử dụng đất thửa số 543, tờ bản đồ số 15.

Ngày 06/11/2019, bà Rung nhận của ông số tiền 15.000.000 đồng theo hợp đồng đổi sổ, tách thửa (03 thửa) quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1505, tờ bản đồ số 09. Thời hạn hợp đồng là 70 ngày.

Tổng số tiền bà Rung đã nhận từ ông là 63.000.000 đồng của 03 hợp đồng mà hai bên đã ký kết nhau.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc bà Rung trả lại cho ông số tiền 63.000.000 đồng mà bà Rung đã nhận từ ông, trả một lần ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: bản photo giấy hợp đồng chuyển thổ cư, bản photo hợp đồng cập nhật đường sang tên quyền sử dụng đất, bản photo giấy ứng tiền cập nhật đường quyền sử dụng đất, đơn khởi kiện; bản sao CMND + HK.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Lâm Thị R. Nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện đối với cá nhân bà Lâm Thị R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đức H yêu cầu bà Lâm Thị R trả lại cho ông số tiền 63.000.000 đồng mà bà R đã nhận, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; Đây là tranh chấp về dân sự, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dịch vụ; Bị đơn bà Lâm Thị R đang cư trú tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Lâm Thị R đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Rung vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Rung và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Ông Đỗ Đức H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc bà R trả cho ông số tiền tổng cộng là 63.000.000 đồng mà bà Rung đã nhận, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xem xét tất cả các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến nội dung vụ án tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 01/11/2019, ông Huê và bà Lâm Thị Rung có làm giấy hợp đồng chuyển thổ cư đối với thửa đất số 185, tờ bản đồ số 51, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn Minh và bà Phạm Thị Thu Thủy đứng, phí hợp đồng là 100.000.000 đồng, bà Rung đã nhận số tiền là 20.000.000 đồng; Ngày 02/11/2019, ông Huê và bà Rung có làm hợp đồng cập nhật đường sang tên quyền sử dụng đất thửa số 85, tờ bản đồ số 15 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 12/10/2006, chi phí hợp đồng dịch vụ là 22.000.000 đồng và bà R đã nhận số tiền là 15.000.000 đồng; Ngày 04/11/2019, bà Rung nhận của ông Huê số tiền là 5.000.000 đồng theo hợp đồng cập nhật đường đối với thửa số 543, tờ bản đồ số 15. Ngày 06/11/2019, bà Rung nhận của ông Huê số tiền 15.000.000 đồng theo hợp đồng đổi sổ, tách thửa đối với thửa số 1505, tờ bản đồ số 09; Ngày 10/12/2019, bà Rung nhận thêm của ông H số tiền 8.000.000 đồng theo hợp đồng cập nhật đường sang tên quyền sử dụng đất thửa số 85, tờ bản đồ số 15; Tổng cộng bà Rung đã nhận của ông Huê số tiền là 63.000.000 đồng nhưng bà Rung không làm gì theo như hợp đồng đã ký, ngày nhận tiền cuối cùng là ngày 10/12/2019, ông Huê đã nhiều lần yêu cầu bà Rung trả tiền nhưng bà Rung cứ hẹn hết lần này đến lần khác; Ông H chỉ yêu cầu cá nhân bà Rung trả tiền. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đức H yêu cầu bà Lâm Thị R trả lại cho ông số tiền tổng cộng là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều: 166, 278, 513, 514, 517, 519, 520 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 1, 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều: 166, 278, 513, 514, 517, 519, 520, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đức Huê.

1. Buộc bà Lâm Thị R trả cho ông Đỗ Đức H số tiền là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng); Trả 01 lần ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự

2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị R phải chịu là 3.150.000 đồng (Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, bà T không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (13b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (13b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương